

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

VŨ MINH THÚY

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH LỚP 6
TRONG DẠY HỌC NHÓM BÀI TỪ LOẠI**

Ngành: Lí luận và phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt

Mã số: 8 14 01 11

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS: Đặng Thị Lệ Tâm

THÁI NGUYÊN - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Mọi thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, tháng 12 năm 2020

Tác giả

Vũ Minh Thúy

LỜI CẢM ƠN

Đề luận văn hoàn thành và được phép bảo vệ em đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ của nhiều cá nhân và đơn vị.

Em xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc đến:

- Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN và khoa Ngữ văn

- Cô giáo TS Đặng Thị Lệ Tâm người đã dành nhiều thời gian quý báu để hướng dẫn, góp ý, chia sẻ... giúp em có định hướng đúng trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

- Các nhà khoa học trong Hội đồng đánh giá luận văn đã có nhiều góp ý về mặt khoa học để em hoàn thiện luận văn được tốt hơn.

- Các thầy, cô giáo giảng dạy lớp cao học Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt đã giúp em có nền tảng kiến thức để thực hiện luận văn.

Sau cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến những người thân, gia đình, đồng nghiệp, bạn bè đã luôn động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, giúp tôi hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 12 năm 2020

Tác giả

Vũ Minh Thúy

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
BẢNG KÍ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	11
5. Các phương pháp nghiên cứu	11
6. Cấu trúc luận văn.....	12
7. Dự kiến đóng góp của luận văn.....	12
PHẦN NỘI DUNG	13
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	13
1.1. Cơ sở lí luận.....	13
1.1.1. Khái niệm về năng lực	13
1.1.2. Năng lực ngôn ngữ	17
1.1.3. Cấu trúc của năng lực ngôn ngữ.....	20
1.1.4. Dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh	20
1.1.5. Từ loại.....	24
1.1.6. Đặc điểm tâm lí - ngôn ngữ của học sinh lớp 6.....	28
1.2. Vai trò của bài tập trong phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS.....	30
1.3. Cơ sở thực tiễn.....	32
1.3.1. Nội dung học Từ loại trong chương trình Ngữ văn 6.....	32
1.3.2. Thực trạng dạy và học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 trong phân môn tiếng Việt.....	33

Tiểu kết chương 1	39
Chương 2: ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH LỚP 6 TRONG DẠY HỌC NHÓM BÀI TỪ LOẠI.....	40
2.1. Nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập	40
2.1.1. Đảm bảo mục tiêu chương trình, phát triển năng lực cho học sinh	40
2.1.2. Đảm bảo nguyên tắc tích hợp.....	42
2.1.3. Bài tập phải phân hóa được người học	44
2.2. Hệ thống bài tập phát triển năng lực ngôn ngữ	45
2.2.1. Bài tập phát triển năng lực nắm vững tri thức nền	46
2.2.2. Bài tập phát triển năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản.....	57
2.3. Định hướng tổ chức, sử dụng bài tập	71
Tiểu kết chương 2	73
Chương 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	74
3.1. Mục đích thực nghiệm.....	74
3.2. Nhiệm vụ thực nghiệm	74
3.3. Địa bàn thực nghiệm.....	74
3.4. Tổ chức thực nghiệm	74
3.5. Nội dung thực nghiệm	75
3.6 Cách tiến hành thực nghiệm	75
3.7. Kết quả thực nghiệm.....	76
3.8. Những kết luận rút ra từ thực nghiệm	78
Tiểu kết chương 3	80
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
PHỤ LỤC.....

BẢNG KÍ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa
DH	Dạy học
DT	Danh từ
ĐT	Động từ
GV	Giáo viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HS	Học sinh
NL	Năng lực
THCS	Trung học cơ sở
TL	Từ loại
TT	Tính từ
TV	Tiếng Việt
VD	Ví dụ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1	Sự cần thiết của việc tổ chức dạy học phát triển năng lực cho học sinh.....	34
Bảng 1.2	Sự cần thiết của việc tổ chức dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua dạy học phân môn tiếng Việt.....	34
Bảng 1.3	Sự cần thiết của việc xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 trong dạy học nhóm bài Từ loại	35
Bảng 1.4	Mức độ xây dựng và sử dụng bài tập phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 trong dạy học nhóm bài Từ loại	36
Bảng 1.5	Em có thích học nội dung chương trình về Từ loại không?.....	37
Bảng 3.1:	Kết quả thực nghiệm	76
Bảng 3.2:	Mức độ hứng thú của học sinh đối với bài học	77
Bảng 3.3:	Sự hiểu bài của học sinh.....	78

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Phát triển năng lực người học (competency - based approach) là định hướng cơ bản, then chốt trong DH nói chung, DH tiếng mẹ đẻ nói riêng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Giáo dục phổ thông nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực người học. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nghị quyết về Đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông số 88/2014/QH13 (thông qua ngày 28/11/2014 tại kì họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII) nhấn mạnh việc “xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học”; “tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân”, “tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng: phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Phát triển năng lực, trong đó có năng lực ngôn ngữ là một trong bảy định hướng cơ bản nhằm hướng đến một môi trường giáo dục hiện đại, chuẩn hóa, hội nhập quốc tế. Một trong những mục tiêu của chương trình là giúp HS phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ ở tất cả các hình thức: đọc, viết, nói, nghe; giúp HS sử dụng tiếng Việt chính xác, mạch lạc, có hiệu quả và sáng tạo trong ngữ cảnh đa dạng; nghĩa là, không chỉ hình thành ở người học năng lực ngôn ngữ mà quan trọng hơn là phát triển cho HS năng lực giao tiếp. Trước bối cảnh đổi mới chương trình, việc đổi mới đồng bộ nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học là vô cùng cần thiết.

1.2. Nói đến ngôn ngữ là nói đến phương tiện dùng để giao tiếp trong cuộc sống. Có ngôn ngữ thì mới có quan hệ xã hội và quan hệ xã hội chính là nơi để phát triển ngôn ngữ. Mục tiêu của chương trình phổ thông môn Ngữ văn hiện nay là: “tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ đã hình thành ở cấp tiểu học... Kết thúc cấp trung học cơ sở (THCS), HS biết đọc hiểu dựa trên kiến thức đầy đủ hơn, sâu hơn về văn học và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm

và khả năng suy luận của bản thân; biết viết các kiểu loại văn bản (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; nói rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả”.

Việc nâng cao năng lực ngôn ngữ sẽ có ảnh hưởng tốt đến mọi mặt nhân cách của học sinh. Giáo viên có thể phát huy tác dụng giáo dục học sinh một cách sinh động qua các bài tập, các ví dụ cụ thể trên bài học hay các hoạt động ngoài giờ có liên quan trực tiếp đến đời sống hằng ngày của các em nhờ vào ngôn ngữ. Quan trọng hơn về tác dụng phát triển ngôn ngữ là việc rèn luyện tư duy biện chứng và tư duy logic cho học sinh.

1.3. Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết. Học tiếng Việt sẽ giúp các em hình và phát triển tư duy ngôn ngữ. Thông qua môn Tiếng Việt, các em sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác và biểu cảm. Đặc biệt cần chú trọng đến việc dạy học Từ loại cho học sinh bởi những kiến thức về Từ loại sẽ giúp học sinh phát triển được vốn từ của bản thân, các em có kỹ năng nhận diện và sử dụng ngôn ngữ thành thạo trong khi tạo lập văn bản.

Trong chương trình tiếng Việt ở bậc THCS, việc dạy học Từ loại được tập trung nhiều nhất trong chương trình lớp 6. Các kiến thức về Từ loại được dạy từ học kì I đến học kì II, từ đó giúp HS phân biệt được các từ, cách dùng từ, đặt câu có ý nghĩa, vận dụng trong chính tả và trong khi làm bài tập tiếng Việt. Thông qua các bài học từ loại trong chương trình lớp 6 hiện nay học sinh nắm được kiến thức, khái niệm, đặc trưng của từng từ loại từ đó các em có thể nhận biết được các từ. Kiến thức và khả năng nhận biết từ loại của các em là tốt, tuy nhiên để vận dụng các kiến thức đó vào phát triển năng lực cho bản thân đặc biệt là năng lực ngôn ngữ của học sinh hiện nay chưa được cao.

Do vậy, chúng tôi đã chọn đề tài “*Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua dạy học nhóm bài Từ loại*” để nghiên cứu. Hy vọng thông qua việc nghiên cứu Từ loại và đưa ra hệ thống bài tập phát triển năng lực ngôn ngữ sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt và phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Những nghiên cứu về dạy học và hệ thống bài tập Từ loại Tiếng Việt

Từ loại được các nhà ngôn ngữ học quan tâm từ rất sớm. Từ thời cổ đại, khi con người bắt đầu nghiên cứu ngôn ngữ, người ta đã nhắc đến từ loại. Hai tác giả Platon (427 - 347 trước công nguyên) và Prôtagôrat (480 - 410 trước công nguyên) đã chia tiếng Hi Lạp thành hai loại là danh từ (DT) và động từ (ĐT). Họ xuất phát từ lời nói để nghiên cứu, vì thế từ loại mà họ nghiên cứu là những bộ phận của lời nói. Người cùng thời với hai ông là Aristot (384 - 323 trước công nguyên) cũng đã chia ra ĐT và DT. Ngoài ra ông còn thêm hai từ loại nữa là liên từ và quán từ. Ở Ấn Độ (khoảng thế kỉ V trước công nguyên) Panini đã nghiên cứu tiếng Sancrit cổ. Ông chia ra 4 từ loại: DT, ĐT, giới từ và trợ từ. Sau đó 6 thế kỉ, Eliuxơ Donatus (thế kỉ I sau công nguyên) đã cho ra đời tác phẩm “Chỉ nam ngữ pháp” nghiên cứu về ngữ pháp học tiếng Latin. Tác phẩm này đã bổ sung hoàn chỉnh hệ thống từ loại tiếng Latin.

Đầu thế kỉ XX, nhà ngôn ngữ người Đức A.F.Bernhadi chủ trương theo nguyên tắc logic để phân định từ loại. Ở Nga, A.Sacmatov dựa vào quan hệ cú pháp, L.A.Serba dựa vào đặc điểm hình thức cú pháp và ý nghĩa của từ, V.Vinnogradov lại chú trọng đến cả ba mặt ý nghĩa, chức năng cú pháp và hình thức của từ. Ở Pháp, hai tác giả Sacbali và F.Nactini đã có những cống hiến trong việc nghiên cứu từ loại.

Các nhà ngữ pháp của học thái Alechxăngđri định nghĩa DT và ĐT không phải theo các thành phần của phán đoán mà theo những khái niệm do chúng biểu hiện: DT là từ loại biến cách chỉ vật thể đồ đạc, được phát ngôn cả